

Bản án số: 01/2023/HNGĐ- ST

Ngày 04/01/2023

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Ông Nguyễn Trung Phiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04/01/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn 21/9/2016 (dương lịch) trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang số 64 ngày 21/9/2016. Sau khi kết hôn chị về làm dâu, chung sống cùng anh S ngay.

Quá trình chung sống vợ chồng chị hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và gia đình đã khuyên bảo

anh S nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ tháng 2/2020 chị đã ra ngoài sinh sống và ly thân với anh S. Từ đó đến nay chị và anh S nhiều lần liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 11/02/2019. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng anh S và ông bà nội ở thôn C, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Nay ly hôn, chị và anh S đã thống nhất giao cả 02 con chung Nguyễn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 11/02/2019 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chúng tôi tự thỏa thuận nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị M không có yêu cầu nào khác.

\* *Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn S trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang kết hôn ngày 21/9/2016 (dương lịch) trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang số 64 ngày 21/9/2016. Sau khi kết hôn chị M về làm dâu, chung sống cùng tôi ngay.

Quá trình chung sống vợ chồng anh hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, có bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm ra tiếng nói chung, quan điểm sống chung nhưng không có kết quả. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, từ tháng 2/2020 chị M đã ra ngoài sinh sống và ly thân với anh.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Mai xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị M.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 11/02/2019. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng với anh. Nay ly hôn, anh và chị M đã thống nhất giao cả 02 con chung Nguyễn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 11/02/2019 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh chị tự thỏa thuận nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh S không có yêu cầu nào khác.

- Ngày 15/12/2022, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S xin vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M và anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

*Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 11/02/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn S đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị M có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn S nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng ngày 21 tháng 9 năm 2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, vợ chồng có thời gian dài hòa thuận hạnh phúc và có hai con chung. Mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân theo phía chị M là do anh S không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh S nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Theo phía anh S thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, có bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm ra tiếng nói chung, quan điểm sống chung nhưng không có kết quả. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay, chị M và anh S đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đều nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình, ông Nguyễn Văn M là bố đẻ anh S và bà Trần Thị L là mẹ đẻ anh S cho biết: Chị M và anh S kết hôn với nhau từ năm 2016 ở trên cơ sở tự nguyện. Chị M và anh S phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân cơ bản là do anh chị làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị M.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Lương Đức T- Trưởng thôn C, xã Đ cho biết: Chị M và anh S kết hôn với nhau từ năm 2016 ở trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông được biết là do anh S có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Sau đó chị M đã chuyển ra ngoài sinh sống, đến nay không thấy chị M về chung sống cùng anh S nữa. Nay chị M xin ly hôn anh S, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do

vậy, cần xử cho chị M được ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Chị M và anh S có hai con chung là Nguyễn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 11/02/2019. Hiện nay hai con chung đang ở với anh S. Nay ly hôn, chị M và anh S đều có ý kiến đề nghị tiếp tục giao cả hai con chung cho anh S nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy: Đề nghị của chị M và anh S là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đề nghị của anh chị là phù hợp với pháp luật, phù hợp đạo đức nên cần chấp nhận yêu cầu của anh S và chị M. Do vậy, cần giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung là Nguyễn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 11/02/2019 là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn chị M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Chị M và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 11/02/2019.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Mai có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009708 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đ, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Oanh**